

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 27/01/2022

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Năng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Bửu Khánh

2. Ông Võ Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2021/TLST - HNGĐ, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”. theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lâm Quang Đ – Sinh năm: 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Chị Trần Thị Hồng X – Sinh năm: 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, anh Đ là nguyên đơn trình bày:

Tôi xác định vợ chồng kết hôn là tự tìm hiểu, tổ chức lễ cưới năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng. Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Do bất

đồng quan điểm, không còn hòa hợp. Mặc dù vợ chồng đã tự sửa chữa khuyết điểm nhưng không mang lại kết quả nên tôi và chị X đã ly thân từ tháng 7/2020. Nay tôi yêu cầu ly hôn với chị X. Về con chung: Chúng tôi có với nhau 04 con chung là cháu Lâm Quang V, sinh ngày: 24/7/2008; Lâm Thị Huỳnh H, sinh ngày 11/01/2009; Lâm Quang Phú Q, sinh ngày 18/3/2013 và Lâm Tâm N, sinh ngày 30/8/2015. Theo đơn khởi kiện tôi yêu cầu được quyền nuôi 04 con, không yêu cầu chị X cấp dưỡng. Nhưng nay xét thấy để cho các cháu ổn định về cuộc sống và tâm lý nên tôi quyết định rút một phần yêu cầu khởi kiện về con chung. Về tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị X là bị đơn: Không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của anh Đ; không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét.

Phát biểu quan điểm của của đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân thủ theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo qui định của pháp luật tố tụng, xác định đúng quan hệ tranh chấp, thẩm quyền của Tòa án, tư cách của đương sự theo qui định tại khoản 1 - Điều 28; 35; 36; 39; 68 của BLTTDS năm 2015.

- Việc thu thập tài liệu chứng cứ được thực hiện theo qui định tại khoản 2 - Điều 97 của BLTTDS năm 2015 và hòa giải tại Điều 210, 211 của BLTTDS năm 2015. Tuy nhiên tại biên bản làm việc với đương sự ngày 17/02/2021 Thẩm phán chưa thực hiện đúng mẫu theo Nghị quyết 01/2017 ngày 13/01/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao.

- Về trình tự thụ lý vụ án, thủ tục cấp tổng đạt: Tòa án thực hiện đúng quy định tại Điều 175; 177; 178; khoản 1 - Điều 195; 196 của BLTTDS năm 2015. Tuy nhiên Thẩm phán còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử và thời gian gửi hồ sơ cho viện kiểm sát.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên Tòa thực hiện đúng các qui định của BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định tại Điều 70, 71 của BLTTDS. Riêng bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình Điều 70, 72 của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Hôn nhân của anh Đ, chị X tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn, theo anh Đ xác định là do vợ chồng không phù hợp tính ý, bất đồng quan điểm...Đối với bị đơn, quá trình giải quyết vụ kiện chị X không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh Đ. Tuy nhiên tại biên bản làm việc ngày 17/02/2022 chị X cho rằng anh Đ đã vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng. Do đó Tòa án đã tiến hành hòa giải quyết mâu thuẫn, tạo điều kiện để anh chị hàn gắn tình cảm nhưng chị X vắng mặt. Đồng thời tại phiên Tòa anh Đ đã kiên quyết ly hôn, điều này chứng tỏ mâu thuẫn của vợ chồng đã đến mức trầm trọng đời sống. Do đó đề nghị Tòa án chấp nhận cho anh Đ được ly hôn với chị X là có căn cứ, phù hợp qui định tại khoản

1 - Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về con chung: quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa anh Đ xác định rút một phần yêu cầu khởi kiện về giải quyết con chung, khi có tranh chấp sẽ khởi kiện sau. Xét thấy việc rút đơn là tự nguyện, không trái pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối yêu cầu giải quyết về con chung của anh Đ theo qui định Khoản 2 - Điều 244 của BLTTDS năm 2015. Tuy nhiên hiện các con đang sống với anh Đ nên ghi nhận trách nhiệm của anh Đ về việc tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu nên đề nghị miễn xét.

Về án phí: Đề nghị buộc anh Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với chị X, đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị X là bị đơn cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị X. Tuy nhiên, chị không đến Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải, phiên tòa là không thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do anh Đ giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, chị X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị X.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: anh Đ và chị X kết hôn năm 2007, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp. Tại phiên tòa, anh Đ xác định sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Do bất đồng quan điểm, không còn hòa hợp. Mặc dù đã tự sửa chữa khuyết điểm nhưng không mang lại kết quả. Anh, chị tự chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 7/2020 cho đến nay và không còn quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau và không có liên hệ với nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, anh chị đều vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Vì vậy, Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải để giải quyết mâu thuẫn, tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh, chị nhưng không đạt kết quả do chị X không có ý kiến phản đối yêu cầu của anh Đ, điều này cho thấy tình cảm vợ chồng của anh chị đã phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh Đ yêu cầu ly hôn với chị X và xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Quá trình giải quyết vụ kiện của như tại phiên Tòa, anh Đ rút một phần rút một phần yêu cầu giải quyết con chung. Xét thấy yêu cầu của anh là tự nguyện, không trái pháp luật và xét lời đề nghị của Đại diện viện kiểm sát là có căn cứ nên HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu của anh Đ về yêu cầu giải quyết con chung. Ghi nhận trách nhiệm của anh Đ về việc tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Trường hợp anh chị có tranh chấp Tòa án thụ lý giải quyết trong vụ án khác.

Về tài sản và nợ chung: anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 96, khoản 2 Điều 244, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lâm Quang Đ và chị Trần Thị Hồng X.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Đ về yêu cầu giải quyết vấn đề con chung. Ghi nhận trách nhiệm của anh Đ về việc tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Trường hợp anh chị có tranh chấp Tòa án thụ lý giải quyết trong vụ án khác.

3. Về án phí: anh Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng

(ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 5840 ngày 12/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, anh Đ đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 27/01/2022; chị X có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS ND huyện Giồng Riềng;
- THA huyện Giồng Riềng;
- UBND xã (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Năng